

Bản án số: 04/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 09/02/2018
V/v: "*Xin ly hôn*".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ QUỐC - TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Ngọc Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phước Lộc
2. Bà Nguyễn Thị Thu Ba

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Cẩm Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Quốc: Không tham gia.

Trong ngày 09 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 275/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2017 về việc "*Xin ly hôn*".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 02/2018/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2018/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1995

Địa chỉ: Đội A, Thôn B, Xã H, huyện G, Thanh Hóa

*** Bị đơn:** Anh Lê Văn S, sinh năm 1988

Địa chỉ: Ấp C, xã D, huyện Pc, tỉnh Kiên Giang

(Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh S vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Tôi và anh S do mai mối, sau đó có tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau, có đăng có kết hôn tại UBND xã H, huyện G, Thanh Hóa số 59 quyền số 01 năm 2014.

Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, vui vẻ. Nhưng đến năm 2015 tôi và anh S xảy ra mâu thuẫn, bất đồng ý kiến với nhau trong cuộc sống, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, dù đã nhiều lần hàn gắn nhưng vẫn không giải quyết được vấn đề, cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung, không hạnh phúc.

Tôi và anh S đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên tôi xin được ly hôn với anh S.

Về con chung: Trong quá trình chung sống với nhau, tôi và anh S không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Văn S được Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần như Thông báo thụ lý vụ án ngày 10/10/2017, giấy triệu tập lần thứ nhất ngày 30/10/2017, giấy triệu tập lần thứ hai ngày 17/11/2017, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 04/12/2017, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 19/12/2017 nhưng anh S vẫn vắng mặt không có lí do. Do đó, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai và hòa giải giữa các bên đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Lê Văn S đã được Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai (lần thứ nhất ngày 24/01/2018) nhưng vắng mặt, xét thấy việc vắng mặt của anh S không vì sự kiện bất khả kháng. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Năm 2014 chị T và anh S tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau và chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại xã H, huyện G, Thanh Hóa số 59 quyển số 01 năm 2014. Đây là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến năm 2015 vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng hay cãi nhau dẫn đến bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh S.

[3] Tại bản tự khai chị T khẳng định không còn tình cảm với anh S nên không thể tiếp tục chung sống được nữa. Xét thấy tình cảm của chị T đối với anh S không còn, quan hệ hôn nhân không thể hàn gắn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T được ly hôn với anh S.

[4] Về con chung: Chị T và anh S không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 266; 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Lê Văn S.

2. Về con chung: Chị T và anh S không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*); được khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0006198 ngày 11/9/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Quốc. Chị T không phải nộp thêm. Anh S không phải chịu án phí sơ thẩm.

Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản bản được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Phú Quốc;
- Chi cục THA dân sự huyện Phú Quốc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Trương Ngọc Hồng